

Bản án số: **06/2022/HS-ST**

Ngày 20 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Vũ Linh và ông Triệu Văn Cẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiền và ông Ma Ngọc Biền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2022/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: ĐẶNG TÒN M (tên gọi khác: Không), sinh năm 1976;

ĐKHKTT, chỗ ở: Thôn K, xã P, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Con ông Đặng Đào S và bà Chúc Thị T (đều đã chết);

Vợ: Tương Thị M, sinh năm 1981 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Anh chị em ruột: Có 6 người, bị cáo là thứ 6.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên: ĐẶNG TÒN T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1982;

ĐKHKTT, chỗ ở: Thôn K, xã P, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Con ông Đặng Tồn C, sinh năm 1963 và bà Lý Thị C1 (tên gọi khác: K), sinh năm 1961;

Vợ: Bàn Thị M, sinh năm 1985 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Anh chị em ruột: Có 5 người, bị cáo là thứ 2.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 38/HSST ngày 11/12/2001 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù giam về tội Hủy hoại tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định trong bản án.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 108/QĐ-XPHC ngày 11/7/2019 của Công an huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xử phạt về hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ, phạt tiền 4.000.000 đồng. Chưa chấp hành xong tiền phạt (*tính đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp trên thì Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính*).

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt*.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Lại Khoa Lâm, Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Người bị hại: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1971

Trú tại: Thôn R, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Người làm chứng: Cháu Triệu Tuấn A, sinh năm 2011, *có mặt*; người đại diện hợp pháp: anh Triệu Tồn N, sinh năm 1990 (là bố đẻ cháu A), *có mặt*.

Trú tại: Thôn K, xã P, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2021, Đặng Tồn M làm thuê cho ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1971, trú tại thôn R, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang với công việc là đổ bê tông lề đường và rãnh thoát nước tại tuyến đường ĐT185 thuộc địa phận thôn K, xã P, huyện Lâm Bình. Quá trình làm thuê cho ông K, M biết ông K thường để tiền trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Airbale, biển số 22B1-672.62. Đến ngày 20/12/2021, M biết bên trong cốp xe của ông K có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 21 giờ cùng ngày, M gọi điện thoại cho Đặng Tồn T, sinh năm 1982, trú cùng thôn rủ sang nhà M mục đích bàn việc trộm cắp tiền của ông K, nhưng do đã muộn nên T hẹn chiều ngày hôm sau gặp nói chuyện.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21/12/2021, như đã hẹn T một mình điều khiển xe mô tô của mình đến nhà để gặp Man bàn bạc về chuyện tối hôm trước. Khi đến Ton gặp M ngay trước cửa nhà và M nói với T là trong cốp xe của ông K có tiền, nên bàn với T đi trộm tiền trong cốp xe rồi chia nhau, T đồng ý. Sau đó M lấy 01

thanh kim loại màu đen dài 10,3cm để vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda wave biển số 22N1-035.39, rồi M và T mỗi người điều khiển một xe cùng nhau đi tìm xe ông K. Khoảng gần 19 giờ cùng ngày, ông K cùng anh Triệu Tồn N, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã P đến nhà ông Hà Tồn S, sinh năm 1973, trú cùng thôn để ăn cơm. Trước khi đi ông trong cốp xe K có để một túi ni lông màu trắng bên trong để số tiền 8.600.000 đồng và 03 quyển sổ tay ghi chép đã cũ, sau đó để xe ở lề đường bên phải gần cổng vào nhà ông S, khi M và T đến nhà ông S thì phát hiện xe của ông K, M dừng xe chỉ cho T biết và bảo T lấy thanh kim loại trong cốp xe của M để sử dụng cây cốp xe ông K lấy tiền, rồi M đi vào nhà ông S ăn cơm, uống rượu, lúc này ông K và mọi người đang ngồi ăn cơm, uống rượu cùng ông S. Sau khi biết xe mô tô M đã chỉ cho, T điều khiển xe mô tô của mình về nhà cất, sau đó đi bộ quay lại nhà ông S. Do xe M không khóa cốp nên T mở cốp lấy thanh kim loại mà M đã chuẩn bị sẵn, sau đó đi đến xe ông K dùng tay trái cầm thanh kim loại cây yên xe lên, tay phải luồn vào trong cốp xe nhưng không được, T tìm bẻ một đoạn cây dài 43cm, có nhánh tạo thành móc dạng hình chữ “V”, quay lại dùng tay trái cầm thanh kim loại đẩy yên xe, tay phải cầm đoạn cây luồn đầu có móc vào trong cốp xe, móc ra được 1/3 túi nilon màu trắng thì có 05 tờ tiền trong túi rơi xuống đất, T vứt đoạn cây tại rãnh đường gần đó, dùng tay phải kéo phần túi còn lại ra khỏi cốp xe, nhặt tiền rơi và cầm túi nilon đến bãi đất trống cạnh khe suối cạn, vứt thanh kim loại rồi đi đến cầu bê tông cách nhà ông S khoảng 500 mét, T mở túi thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau và 03 quyển sổ tay, T lấy hết tiền cất vào túi quần, còn túi nilon đựng 03 quyển sổ giấu vào bụi chuối cạnh đó, về đến nhà T giấu số tiền trộm cắp được ở trên màn đang mắc tại giường ngủ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, M gọi điện biết T lấy được tiền và dặn cất giấu cho kỹ, không để ai phát hiện. Sau khi gọi điện thoại cho T xong, M tiếp tục ngồi ăn cơm, uống rượu tại nhà ông S. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, ông K ra mở cốp xe thì phát hiện chiếc túi ni lon bên trong có số tiền 8.600.000 đồng và 03 quyển sổ để trong cốp bị mất trộm.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã tạm giữ số tiền 8.600.000 đồng, 03 quyển sổ, 01 túi nilon màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ màu vàng của Đặng Tồn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel vỏ màu vàng nhạt của Đặng Tồn M; 01 thanh kim loại màu đen dài 10,3cm; 01 đoạn cây dài 43cm một đầu chia nhánh tạo thành móc dạng chữ “V”. Ngày 21/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình ra quyết định xử lý vật chứng số 04 trả lại số tiền 8.600.000 đồng, 03 quyển sổ cho ông Nguyễn Đăng K. Đối với 01 túi nilon màu trắng ông Khoa không có yêu cầu đề nghị lấy lại vì đã cũ và không còn giá trị sử dụng.

Về dân sự: Ông Nguyễn Đăng K yêu cầu M, T bồi thường số tiền 500.000 đồng về việc nhờ người tìm kiếm và làm ảnh hưởng đến việc trả tiền công cho các

công nhân. Ngày 11/02/2022 Đặng Tồn M, Đặng Tồn T tự nguyện bồi thường số tiền 500.000 đồng cho ông Nguyễn Đăng K.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSLB ngày 25/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Đặng Tồn T, Đặng Tồn M về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Tồn M, Đặng Tồn T phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Man đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Tồn M từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng; bị cáo Đặng Tồn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu trắng, 01 thanh kim loại màu đen dài 10,3cm, 01 đoạn dây dài 43cm. Trả lại cho bị cáo Đặng Tồn T 01 điện thoại di động đã cũ; trả lại cho bị cáo Đặng Tồn M 01 điện thoại di động đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Phần tranh luận:**

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Bị hại nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ của người bào chữa không có ý kiến tranh luận, không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đều ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ nhất và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng pháp luật: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 21/12/2021 Đặng Tồn M, Đặng Tồn T đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 8.600.000đ (*tám triệu sáu trăm nghìn đồng*) của ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1971, trú tại thôn R, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Trong đó bị cáo Đặng Tồn M là người khởi xướng, xúi dục, chuẩn bị công cụ, bị cáo Đặng Tồn T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, thích hưởng thụ, coi thường pháp luật dẫn đến các bị cáo đi vào con đường phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Do vậy căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hóa vai trò, cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Trong đó bị cáo M giữ vai trò khởi xướng, xúi dục, đồng thời là người chuẩn bị công cụ để bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo T giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 8.600.000 đồng. Do vậy tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của hai bị cáo là tương đồng nhau nên xử mức án ngang bằng nhau là phù hợp.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho bị hại, là

người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, trình độ văn hóa thấp, không biết chữ, nhận thức về xã hội và pháp luật còn nhiều hạn chế, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo M được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng riêng đối với bị cáo M.

Xét tính chất mức độ của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, do vậy không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng: Đối với 01 túi nilon màu trắng, 01 thanh kim loại màu đen dài 10,3cm, 01 đoạn dây dài 43cm, xét thấy không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động thu của bị cáo T, 01 điện thoại di động thu của bị cáo M, xét thấy đây là tài sản của các bị cáo không liên quan đến tội phạm, cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M.

- Tuyên bố: Bị cáo Đặng Tồn M, Đặng Tồn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Tồn M 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2022).

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Tồn T 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2022). Giao các bị cáo Đặng Tồn M, Đặng Tồn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lâm Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon màu trắng, 01 thanh kim loại màu đen dài 10,3cm, 01 đoạn dây dài 43cm. Trả lại cho bị cáo Đặng Tồn T 01 điện thoại di động đã cũ; trả lại cho bị cáo Đặng Tồn M 01 điện thoại di động đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 20/4/2022.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Vũ Linh - Triệu Văn Cẩn

Hoàng Cao Tiến

